TÒA ÁN NHÂN DÂN **VIỆT NAM** **KHU VỰC 2 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-ST
Ngày: 06-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu.

2. Bà Châu Thị Lệ .

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** Ông Lưu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2025/TLST-HS, ngày 10 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 170/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2004; tại tỉnh Bình Định (Nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052204006306; nơi cư trú thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Thanh D1, sinh năm 1984; sống chung với chị Dương Nữ Ánh M nhưng chưa đăng ký kết hôn; có 01 người con sinh năm 2022; tiền án: Ngày 20 tháng 12 năm 2023, bị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 12 tháng 01 năm 2024; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28 tháng 10 năm 2021 bị Công an xã P, huyện T, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản"; ngày 04 tháng 9 năm 2022 bị Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Sử dụng trái

phép chất ma tuý"; ngày 21 tháng 11 năm 2022 bị Công an xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", đã nộp phạt ngày 02 tháng 6 năm 2023; ngày 23 tháng 02 năm 2023 bị Công an huyện T, tỉnh Bình Định ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.500.000 đồng về hành vi "Trộm cắp tài sản", đã nộp phạt ngày 06 tháng 11 năm 2023; bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam A (Cơ sở giam giữ số 1) thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G từ ngày 27 tháng 8 năm 2025; có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thành H1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số nhà A đường P, khu V, phường Q, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 25 tháng 8 năm 2025, trong lúc đang đi bộ trên đoạn đường bê tông phía sau sân vận động xã N là xã A, địa chỉ thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai, bị cáo Nguyễn Văn P thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đỏ đen bạc vàng, biển số 77F1-010.30 của ông Phạm Văn H dựng trên đường bê tông, trên xe mô tô có gắn chìa khóa trong ổ khóa điện nên nảy sinh ý định trộm xe mô tô này để bán lấy tiền tiêu xài. Quan sát thấy không có ai trông coi, bị cáo P lén lút bật ổ khóa điện, khởi động xe rồi điều khiển xe chạy đến công viên gần Cầu Đ thuộc phường Q, tỉnh Gia Lai. Tại đây, bị cáo P gặp Lê Thành H1 nên hỏi mua của H1 50.000 đồng "cỏ mỹ". Sau đó, bị cáo P một mình sử dụng "cỏ mỹ" tại khu vực bờ sông và ngủ tại đây. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi ngủ dậy, bị cáo P đến công viên gặp Lê Thành H1. Lê Thành H1 biết bị cáo P trộm cắp xe mô tô trên nên hỏi mua lại xe mô tô này với số tiền 1.000.000 đồng; bị cáo P đồng ý bán, nhưng yêu cầu H1 trả cho bị cáo P số tiền 500.000 đồng và giao cho bị cáo P 05 gói "cỏ mỹ". Sau khi nhận tiền và "cỏ mỹ", bị cáo P đón xe taxi về nhà sử dụng hết cỏ mỹ. Đến ngày 27 tháng 8 năm 2025, Cơ quan Công an xã A làm việc, bị cáo P thừa nhận và giao nộp số tiền 126.000 đồng còn lại. Về phần H1, sau khi mua xe mô tô của bị cáo P, H1 sử dụng cá nhân đến ngày 27 tháng 8 năm 2025 thì bị Công an xã A làm việc, thu giữ xe mô tô nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 113/KL-HĐĐGTTHS ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Gia Lai kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đỏ bạc đen vàng, số máy 45E-0088706, số khung OAY-032536, biển số 77F1-010.30 tại thời điểm ngày 25 tháng 8 năm 2025 có giá trị 8.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu Future, màu đỏ bạc đen vàng, số máy 45E-0088706, số khung OAY-032536, biển số 77F1-010.30 đã được Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại cho ông Phạm Văn H; tạm giữ số tiền 126.000 đồng.

Về dân sự: Ông Phạm Văn H đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSKV2 ngày 09 tháng 12 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn P về tội *"Trộm cắp tài sản"*, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền 126.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo nộp lại số tiền 374.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có để sung vào Ngân sách nhà nước.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn P nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh G, Điều tra viên, Viện kiểm sát khu vực 2 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn P tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

đã được Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thu thập. Do đó Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để xác định vào khoảng 09 giờ ngày 25 tháng 8 năm 2025 bị cáo Nguyễn Văn P đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản xe mô tô biển kiểm soát 77F1-010.30 của ông Phạm Văn H đang dựng trên đường bê tông thuộc thôn N, xã A, tỉnh Gia Lai.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn P là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và nhận thức được hậu quả của hành vi đó sẽ gây thiệt hại đến tài sản của bị hại. Nhận thức được như vậy nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Future, biển kiểm soát 77F1-010.30 của ông Phạm Văn H có giá trị 8.000.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi cố ý xâm phạm đến tài sản của bị hại; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản và sử dụng trái phép chất ma tuý; đã bị kết án về tội *"Trộm cắp tài sản"* chưa được xoá án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

[6] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, lẽ ra xử phạt tù có thời hạn đối với bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhưng xét thấy bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên. Do đó khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[7] Xét về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Xe mô tô biển số 77F1-010.30 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại cho bị hại ông Phạm Văn H; ông H không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng

đến 50.000.000 đồng", nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Xét về vật chứng vụ án: Đối với số tiền 126.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P trong số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã bán chiếc xe mô tô biển số 77F1-010.30 do bị cáo chiếm đoạt cho Lê Thành H1; đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền nêu trên.

[10] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 374.000 đồng trong số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã bán chiếc xe mô tô biển số 77F1-010.30 do bị cáo chiếm đoạt cho Lê Thành H1; đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có. Do đó căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015, buộc bị cáo nộp lại số tiền nêu trên để sung vào Ngân sách nhà nước.

[11] Xét về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Trong vụ án này Lê Thành H1 không hứa hẹn trước nhưng đã mua xe mô tô biển kiểm soát 77F1-010.30 mà biết rõ xe mô tô này là do bị cáo P phạm tội có được. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã khởi tố bị can đối với Lê Thành H1 về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa xác định được nơi cư trú của Lê Thành H1 nên Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã ban hành quyết định truy nã đối với H1, tách vụ án đối với hành vi của H1 để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[13] Bị cáo P khai nhận 02 lần mua "cỏ mỹ" (Dạng thực vật khô có tẩm chất nghi là ma túy) của Lê Thành H1 nhưng quá trình điều tra, kết quả kiểm tra bị cáo P âm tính với chất ma túy, bị cáo P đã sử dụng hết "cỏ mỹ", không có cơ sở để giám định và H1 không thừa nhận việc này, nên Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G không xử lý bị cáo P về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và xử lý H1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[14] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội*"Trộm cắp tài sản"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Văn P bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 27 tháng 8 năm 2025).

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Xe mô tô biển số 77F1-010.30 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G trả lại cho bị hại ông Phạm Văn H; ông H không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

5. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu và sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 126.000 đồng (Một trăm hai mươi sáu nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn P. Hiện số tiền trên Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai đang tạm giữ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G chuyển tiền vào tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai theo chứng từ giao dịch ngày 18 tháng 12 năm 2025.

6. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P có nghĩa vụ nộp lại số tiền 374.000 đồng (Ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

7. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 06 tháng 01 năm 2026). Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Minh